

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
YAMASAKI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Ký bởi: SỞ
CÔNG
THƯƠNG
Ngày ký: 25-
08-2025
04:36:16
+07:00

Số: 01/YAMASAKI/2025-CV

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 08 năm 2025



Kính gửi: Sở công thương tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm. Công ty TNHH Thương Mại Yamasaki nộp hồ sơ tự công bố sản phẩm như sau:

1. Mì cay Têru – Mì không gói gia vị.
2. Gói gia vị Bò cay – Mì cay Têru.
3. Gói gia vị Kim chi – Mì cay Têru.

Hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Thương Mại Yamasaki.
- Bản tự công bố sản phẩm và các phiếu kiểm nghiệm.
- Mẫu nhãn sản phẩm.
- Hợp đồng gia công số PaldoVina–Yamasaki/2025 ký ngày 26/5/2025 giữa Công ty TNHH Paldo Vina và Công ty TNHH Thương Mại Yamasaki.
- Phụ lục Hợp đồng gia công số PL-Gia công Yamasaki/2025-001 ký ngày 26/5/2025 giữa Công ty TNHH Paldo Vina và Công ty TNHH Thương Mại Yamasaki.
- Giấy chứng nhận HACCP và ISO 22000:2018 của Công ty TNHH Paldo Vina mà Công ty TNHH Thương Mại Yamasaki thuê gia công

Công ty TNHH Thương Mại Yamasaki xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ tự công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với những sản phẩm đã tự công bố.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Niêm yết tại trụ sở Cty;
- Lưu: VT.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YAMASAKI

GIÁM ĐỐC



LÊ THỊ ĐỨC NHÂN

Handwritten text, possibly a date or reference number, located in the upper right corner of the page.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/YAMASAKI/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YAMASAKI

Địa chỉ: Số 99 đường Nguyễn Văn Linh, Khu dân cư Hòn Ró 1, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0903833567

Mã số doanh nghiệp: 4202006347

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Mì cay Têru – Mì không gói gia vị

2. Thành phần: Bột mì (70% khối lượng), dầu cọ tinh luyện, tinh bột khoai mì, muối, chất ổn định (451(i), 501(i)), chất làm dày (412, 405), chất tạo xốp (500(i)), chất chống oxy hóa (320, 321), phẩm màu tự nhiên (Riboflavin từ Bacillus subtilis).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: khối lượng tịnh 1 gói (g/gói): 91g, đóng gói trong bao bì cấu trúc phức hợp kín chuyên dụng cho thực phẩm, ép miệng 2 đầu và lưng bụng, đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản phẩm được sản xuất tại các nhà máy của Công ty TNHH Paldo Vina đã có giấy chứng nhận HACCP và ISO 22000:2018 mà Công ty TNHH Thương Mại Yamasaki thuê gia công.

| STT | Số GCN | Ngày ban hành | Nơi cấp | Địa chỉ nhà máy sản xuất |
|-----|---------|---------------|---------|--|
| 1. | N724811 | 21/5/2024 | GICG | Cụm Công nghiệp Đồng Lạng, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ |
| 2. | 735573 | 15/7/2024 | GICG | Cụm Công nghiệp Đồng Lạng, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ |

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

Nội dung ghi nhãn phù hợp theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP và Nghị định 111/2021/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 8-1:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7879:2008 đối với sản phẩm ngũ cốc dạng sợi ăn liền.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 08 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC



LÊ THỊ ĐỨC NHÂN



**CÔNG TY
TNHH
THƯƠNG MẠI
YAMASAKI**

THÀNH PHẦN

Bột mì (70% khối lượng), dầu cọ tinh luyện, tinh bột khoai mì, muối, chất ổn định (451(i), 501(i)), chất làm dày (412, 405), chất tạo xốp (500(i)), chất chống oxy hóa (320, 321), phẩm màu tự nhiên (Riboflavin từ *Bacillus subtilis*).

| Thành phần dinh dưỡng | |
|-------------------------------------|------------|
| Thành phần dinh dưỡng tính cho 91 g | |
| Năng lượng | 399,5 Kcal |
| Chất đạm | 8,7 g |
| Carbohydrat | 60 g |
| Đường tổng số | 0,8 g |
| Chất béo | 13,2 g |
| Chất béo bão hòa | 6,1 g |
| Natri | 611,5 mg |

* Giá trị thành phần dinh dưỡng thể hiện trong bảng trên là giá trị trung bình.



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Dùng nấu mì cay 7 cấp độ Hàn Quốc, ăn với lẩu hoặc chế biến thành các món mì xào.

* Dùng nấu mì cay và lẩu: Cho vắt mì vào nước dùng đang sôi. Nấu trong 4 phút và thưởng thức.

* Dùng cho mì xào: Cho vắt mì vào nước đang sôi, nấu trong 3 phút. Vớt mì ra, sau đó xào trong 1 phút và thưởng thức.

Thông tin cảnh báo an toàn

- * Sản phẩm có chứa các nguyên liệu có nguồn gốc từ lúa mì.
- * Nên chế biến ngay sau khi mở gói.
- * Tránh để gần nguồn nhiệt nóng, sản phẩm có mùi mạnh.
- * Không sử dụng nếu sản phẩm quá hạn.

**Nhà Nhân
FOOD**

mì cay

TÊRU

"Thối bùng vị cay
Ngon như tại quán"



MÌ KHÔNG GÓI GIA VỊ

Khối lượng tịnh: 91 g
Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa



Chịu trách nhiệm về sản phẩm bởi:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YAMASAKI

Địa chỉ: Số 99, Đường Nguyễn Văn Linh, Khu Dân Cư Hòn Rớ 1, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Sản xuất tại:

CÔNG TY TNHH PALDO VINA

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đồng Lạng, xã Phú Ninh, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

ISO 22000:2018
HACCP

Công nghệ
Hàn Quốc



Sản xuất tại Việt Nam.

Bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo và tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp.

Ngày sản xuất & Hạn sử dụng: Xem trên bao bì sản phẩm.

sz: 350 X 195 mm 70mm

25mm

140mm

25mm

70mm

10mm





ANALYTICAL REPORT

Branch 1 - YAMASAKI Co., Ltd.

No. 249, Nguyen Van Linh Street, Hon Ro 1 Residential Area, Nam Nha Trang Ward
Khanh Hoa Province, VIETNAM

Your purchase order reference: X4GD2506110155-HN

Sample Code : 743-2025-00102860

Eol code : 005-32410-482335
 Sample described as: Mi cay TÈRU - Mi không gói gia vị
 Conditioning: Sample in sealed packaging
 Sample reception date: 12/06/2025 Client due date : 23/06/2025
 Analysis Time : 12/06/2025 - 25/06/2025

| NO. | PARAMETERS | UNIT | TEST METHOD | RESULTS |
|-----|---|----------|--|-------------------------|
| 1 | VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i> | cfu/ g | ISO 15213-2:2023 | Not detected (LOD=10) |
| 2 | VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i> | cfu/ g | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) | Not detected (LOD=10) |
| 3 | VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i> | cfu/ g | AOAC 975.55 | Not detected (LOD=10) |
| 4 | VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i> | cfu/ g | AOAC 980.31 | Not detected (LOD=10) |
| 5 | VD325 VD (a) Aerobic Plate Count | cfu/ g | ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022 | 9.5x10 ¹ |
| 6 | VD340 VD (a) Coliforms | cfu/ g | TCVN 6848:2007; ISO 4832:2006 | Not detected (LOD=10) |
| 7 | VD0GC VD Total yeast and mold spores | cfu/ g | TCVN 8275-2:2010 ; ISO 21527-2:2008 | Not detected (LOD=10) |
| 8 | VD157 VD (a) Dietary fiber | g/ 100 g | AOAC 991.43 | 2.90 |
| 9 | VD165 VD (a) Fat | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-3498 | 14.5 |
| 10 | VD652 VD (a) Saturated fatty acids | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06) | 6.70 |
| 11 | VD652 VD (a) Trans fatty acids | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06) | Traces(<0.015) |
| 12 | VD652 VD (a) Unsaturated fatty acid | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06) | 7.09 |
| 13 | VW066 VW (a) Protein | g/ 100 g | TCVN 10034:2013 | 9.61 |
| 14 | VW07W VW (a) Total ash | g/ 100 g | N79-R-RD1-TP-9759(2022) (Ref. AOAC 923.03) | 1.94 |
| 15 | VW083 VW (a) Moisture | g/ 100 g | N79-R-RD1-TP-9762 (2022) (Ref. ISO 1573:1980) | 5.12 |
| 16 | VWWS6 VW Carbohydrate (excluding Dietary fiber) | g/ 100 g | FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003 | 65.93 |
| 17 | VD4P0 VD (a) Fructose | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20) | Not detected (LOD=0.15) |
| 18 | VD4P0 VD (a) Glucose | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20) | Not detected (LOD=0.15) |
| 19 | VD4P0 VD (a) Lactose | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20) | Not detected (LOD=0.15) |

EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, Sai Gon High-Tech Park, Thu Duc City, HCMC. [2] Can Tho branch: KVIP, Tra Noc 2 IP, O Mon District, Can Tho City.

[3] Northern branch: Unit 7A, Hight-rise Factory/ Block 1, No.2, BH5 Street, VSIP Bac Ninh, Phu Chan Ward, Tu Son City, Bac Ninh Province.

Web: www.eurofins.vn

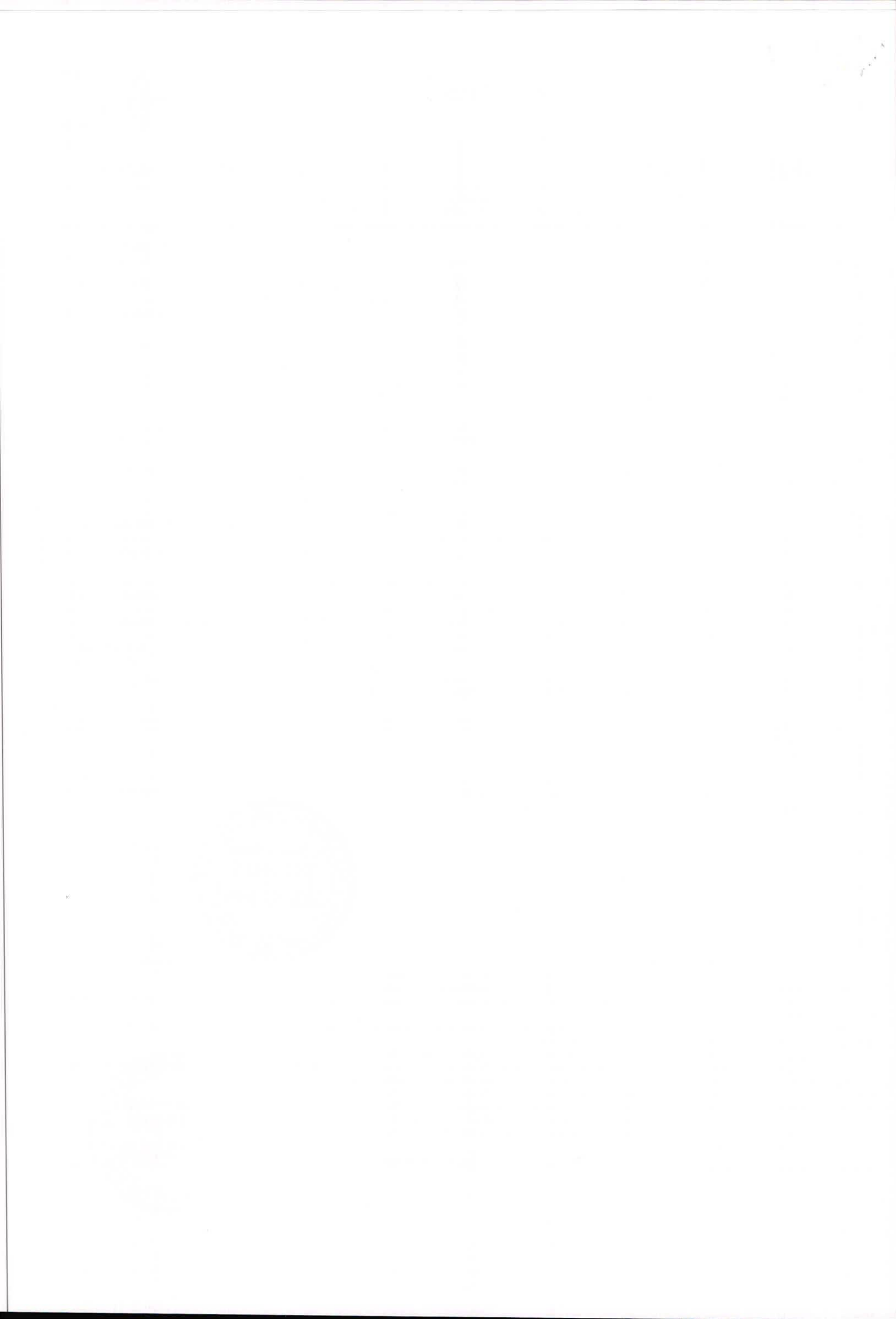
Phone: (84.28) 7107 7879

Email: VN01_ASM_HCMC@eurofinsasia.com

Document number: EVN-P-AR-FO3559

Version: 11

Effective date: 01/06/2025



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/YAMASAKI/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YAMASAKI

Địa chỉ: Số 99 đường Nguyễn Văn Linh, Khu dân cư Hòn Rớ 1, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0903833567

Mã số doanh nghiệp: 4202006347

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Gói gia vị Bò cay - Mì cay Têru

2. Thành phần: Bột gia vị bò (30% khối lượng), bột hương bò (20,8% khối lượng) (có sử dụng hương liệu thực phẩm tổng hợp), chất điều vị (621), muối, bột nước tương, chiết xuất nấm men, chất điều vị (364(ii), 631, 627), bột ớt (1,4% khối lượng), bột tiêu đen, dextrose monohydrate, bột gừng, dầu mè, phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin), chất chống đông vón (551), chất tạo cay oleoresin capsicum (0,1% khối lượng), chất tạo ngọt tổng hợp (aspartam).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: khối lượng tịnh 1 gói (g/gói): 900g, đóng gói trong bao bì cấu trúc phức hợp kín chuyên dụng cho thực phẩm, ép miệng 2 đầu, đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản phẩm được sản xuất tại các nhà máy của Công ty TNHH Paldo Vina đã có giấy chứng nhận HACCP và ISO 22000:2018 mà Công ty TNHH Thương Mại Yamasaki thuê gia công.

| STT | Số GCN | Ngày ban hành | Cơ quan cấp | Địa chỉ nhà máy sản xuất |
|-----|---------|---------------|-------------|--|
| 1. | N724811 | 21/5/2024 | GICG | Cụm Công nghiệp Đồng Lạng, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ |
| 2. | 735573 | 15/7/2024 | GICG | Cụm Công nghiệp Đồng Lạng, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ |

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

Nội dung ghi nhãn phù hợp theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP và Nghị định 111/2021/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 8-1:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 08 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

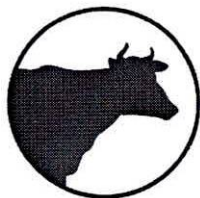
LÊ THỊ ĐỨC NHÂN



Nhà Nhân
FOOD

mì cay
TÊRU
"Thối bùng vị cay
Ngon như tại quán"

**Gỏi gia vị
Bò cay**



Khối lượng tịnh: **900 g**

Gỏi gia vị Bò cay

THÀNH PHẦN:

Bột gia vị bò (30% khối lượng), bột hương bò (20,8% khối lượng) (có sử dụng hương liệu thực phẩm tổng hợp), chất điều vị (621), muối, bột nước tương, chiết xuất nấm men, chất điều vị (364(ii), 631, 627), bột ớt (1,4% khối lượng), bột tiêu đen, dextrose monohydrate, bột gừng, dầu mè, phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin), chất chống đông vón (551), chất tạo cay oleoresin capsicum (0,1% khối lượng), chất tạo ngọt tổng hợp (aspartam).

| Thành phần dinh dưỡng | |
|---------------------------------------|----------|
| Thành phần dinh dưỡng tính cho 100 g: | |
| Năng lượng | 235 Kcal |
| Chất đạm | 17,5 g |
| Carbohydrat | 34,5 g |
| Đường tổng số | 7,3 g |
| Chất béo | 2,1 g |
| Natri | 13200 mg |

*Giá trị thành phần dinh dưỡng thể hiện trong bảng trên là giá trị trung bình.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Làm gia vị hoặc sử dụng kết hợp với các sản phẩm thực phẩm khác để tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh.

Chịu trách nhiệm về sản phẩm bởi:
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YAMASAKI
Địa chỉ: Số 99, Đường Nguyễn Văn Linh, Khu Dân Cư Hòn Rỏi 1, Xã Phước Đông, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

mì cay
TÊRU
"Thối bùng vị cay
Ngon như tại quán"

- Sản phẩm có chứa các nguyên liệu có nguồn gốc từ: đậu nành, mè.
- Sau khi mở bao gói nếu không dùng hết phải buộc kín miệng túi và nên bảo quản lạnh để trạng thái sản phẩm tốt rời.
- Tránh để gần nguồn nhiệt nóng, sản phẩm có mùi mạnh.
- Không sử dụng nếu sản phẩm quá hạn.

Sản xuất tại:
CÔNG TY TNHH PALDO VINA
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đồng Lạng, xã Phú Ninh, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Sản xuất tại Việt Nam.
Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo và tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp.
Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm.
Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

ISO 22000:2018
HACCP



Hãy giữ sạch đường phố

sz: 440x295 mm

295 mm





ANALYTICAL REPORT

Branch 1 - YAMASAKI Co., Ltd.

 No. 249, Nguyen Van Linh Street, Hon Ro 1 Residential Area, Nam Nha Trang Ward
 Khanh Hoa Province, VIETNAM

Your purchase order reference: X4GD2506110155-HN

Sample Code : 743-2025-00102861

| | |
|------------------------|--|
| Eol code : | 005-32410-482336 |
| Sample described as: | Gói gia vị Bò cay - Mì cay TÊRU |
| Conditioning: | Sample in sealed packaging |
| Sample reception date: | 12/06/2025 Client due date : 25/06/2025 |
| Analysis Time : | 12/06/2025 - 25/06/2025 |

| NO. | PARAMETERS | UNIT | TEST METHOD | RESULTS |
|-----|---|----------|--|--------------------------|
| 1 | VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i> | cfu/ g | ISO 15213-2:2023 | Not detected (LOD=10) |
| 2 | VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i> | cfu/ g | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) | Not detected (LOD=10) |
| 3 | VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i> | cfu/ g | AOAC 975.55 | Not detected (LOD=10) |
| 4 | VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i> | cfu/ g | AOAC 980.31 | Not detected (LOD=10) |
| 5 | VW020 VW (a) <i>Salmonella spp.</i> | /25 g | ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020 | Not Detected |
| 6 | VD325 VD (a) Aerobic Plate Count | cfu/ g | ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022 | 3.1x10 ³ |
| 7 | VD340 VD (a) Coliforms | cfu/ g | TCVN 6848:2007; ISO 4832:2006 | 4.2x10 ² |
| 8 | VD0GC VD Total yeast and mold spores | cfu/ g | TCVN 8275-2:2010 ; ISO 21527-2:2008 | Not detected (LOD=10) |
| 9 | VD157 VD (a) Dietary fiber | g/ 100 g | AOAC 991.43 | 4.11 |
| 10 | VD165 VD (a) Fat | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-3498 | 2.07 |
| 11 | VD652 VD (a) Saturated fatty acids | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06) | 0.53 |
| 12 | VD652 VD (a) Trans fatty acids | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06) | Not detected (LOD=0.005) |
| 13 | VD652 VD (a) Unsaturated fatty acid | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06) | 1.44 |
| 14 | VW066 VW (a) Protein | g/ 100 g | TCVN 10034:2013 | 17.47 |
| 15 | VW07W VW (a) Total ash | g/ 100 g | N79-R-RD1-TP-9759(2022) (Ref. AOAC 923.03) | 35.5 |
| 16 | VW083 VW (a) Moisture | g/ 100 g | N79-R-RD1-TP-9762 (2022) (Ref. ISO 1573:1980) | 6.38 |
| 17 | VVWS6 VW Carbohydrate (excluding Dietary fiber) | g/ 100 g | FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003 | 34.45 |
| 18 | VD4P0 VD (a) Fructose | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20) | Not detected (LOD=0.15) |
| 19 | VD4P0 VD (a) Glucose | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20) | 0.77 |
| 20 | VD4P0 VD (a) Lactose | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Ref. AOAC 977.20) | Not detected (LOD=0.15) |

EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, Sai Gon High-Tech Park, Thu Duc City, HCMC.

[2] Can Tho branch: KVIP, Tra Noc 2 IP, O Mon District, Can Tho City.

[3] Northern branch: Unit 7A, Hight-rise Factory/ Block 1, No.2, BH5 Street, VSIP Bac Ninh, Phu Chan Ward, Tu Son City, Bac Ninh Province.

Web: www.eurofins.vn

Phone: (84.28) 7107 7879

Email: VN01_ASM_HCMC@eurofinsasia.com

Document number: EVN-P-AR-FO3559

Version: 11

Effective date: 01/06/2025





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/YAMASAKI/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YAMASAKI

Địa chỉ: Số 99 đường Nguyễn Văn Linh, Khu dân cư Hòn Rời 1, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0903833567

Mã số doanh nghiệp: 4202006347

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Gói gia vị Kim chi - Mì cay Têru

2. Thành phần: Muối, bột gia vị (muối, đường, maltodextrin, chất điều vị (621), bột nước tương, bột cà chua, bột ớt), chất điều vị (621), đường tinh luyện, tỏi mảnh, bột nước tương, chất điều chỉnh độ acid (330), bột ớt, chiết xuất nấm men, bột kim chi (1,5% khối lượng), chất điều vị (631, 627), hương cà chua (có sử dụng chất tạo hương giống tự nhiên và tự nhiên), chất điều chỉnh độ acid (331(iii)), bột tiêu đen, phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin), chất chống đông vón (551), dầu thực vật.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: khối lượng 900g/01 gói, đóng gói trong bì kín, ép miệng hai đầu.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản phẩm được sản xuất tại các nhà máy của Công ty TNHH Paldo Vina đã có giấy chứng nhận HACCP và ISO 22000:2018 mà Công ty TNHH Thương Mại Yamasaki thuê gia công.

| STT | Số GCN | Ngày ban hành | Nơi cấp | Địa chỉ nhà máy sản xuất |
|-----|---------|---------------|---------|--|
| 1. | N724811 | 21/5/2024 | GICG | Cụm Công nghiệp Đồng Lạng, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ |
| 2. | 735573 | 15/7/2024 | GICG | Cụm Công nghiệp Đồng Lạng, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ |

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

Nội dung ghi nhãn phù hợp theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP và Nghị định 111/2021/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 8-1:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 08 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC



(Handwritten signature)

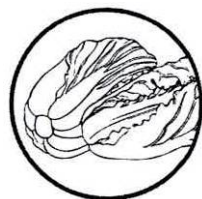
LÊ THỊ ĐỨC NHÂN



Nhà Nhân
FOOD

mì cay
TÊRU
"Thối bùng vị cay
Ngon như tại quán"

**Gỏi gia vị
Kim chi**



Khối lượng tịnh: **900 g**

**Gỏi gia vị
Kim chi**

THÀNH PHẦN:

Muối, bột gia vị (muối, đường, maltodextrin, chất điều vị (621), bột nước tương, bột cà chua, bột ớt), chất điều vị (621), đường tinh luyện, tỏi mảnh, bột nước tương, chất điều chỉnh độ acid (330), bột ớt, chiết xuất nấm men, bột kim chi (1,5% khối lượng), chất điều vị (631, 627), hương cà chua (có sử dụng chất tạo hương giống tự nhiên và tự nhiên), chất điều chỉnh độ acid (331(iii)), bột tiêu đen, phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin), chất chống đông vón (551), dầu thực vật.

Thành phần dinh dưỡng

Thành phần dinh dưỡng tính cho 100 g:

| | |
|----------------------|-----------------|
| Năng lượng | 221 Kcal |
| Chất đạm | 13,5 g |
| Carbohydrat | 36,9 g |
| Đường tổng số | 14,4 g |
| Chất béo | 1,1 g |
| Natri | 14100 mg |

*Giá trị thành phần dinh dưỡng thể hiện trong bảng trên là giá trị trung bình.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Làm gia vị hoặc sử dụng kết hợp với các sản phẩm thực phẩm khác để tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh.

Chịu trách nhiệm về sản phẩm bởi:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YAMASAKI

Địa chỉ: Số 99, Đường Nguyễn Văn Linh, Khu Dân Cư Hòn Rỏ 1, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

- Sản phẩm có chứa các nguyên liệu có nguồn gốc từ đậu nành.
- Sau khi mở bao gói nếu không dùng hết phải buộc kín miệng túi và nên bảo quản lạnh để trạng thái sản phẩm tươi rói.
- Tránh để gần nguồn nhiệt nóng, sản phẩm có mùi mạnh.
- Không sử dụng nếu sản phẩm quá hạn.

Sản xuất tại:

CÔNG TY TNHH PALDO VINA

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đồng Lạng, xã Phú Ninh, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Sản xuất tại Việt Nam.

Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo và tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp.

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

ISO 22000:2018
HACCP



sz: 440x295 mm





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CHI NHÁNH 1 - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YAMASAKI

Số 249, Đường Nguyễn Văn Linh, Khu Dân Cư Hòn Rỏ 1, Phường Nam Nha Trang
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : X4GD2506110155-HN

Mã số mẫu : 743-2025-00102862

Mã số Eol : 005-32410-482337
 Tên mẫu : Gói gia vị Kim chi - Mì cay TÊRU
 Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bao bì kín
 Ngày nhận mẫu : 12/06/2025 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 25/06/2025
 Thời gian thử nghiệm : 12/06/2025 - 25/06/2025

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ |
|-----|--|----------|--|--------------------------------|
| 1 | VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i> | cfu/ g | ISO 15213-2:2023 | Không phát hiện (LOD=10) |
| 2 | VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i> | cfu/ g | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) | Không phát hiện (LOD=10) |
| 3 | VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i> | cfu/ g | AOAC 975.55 | Không phát hiện (LOD=10) |
| 4 | VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i> | cfu/ g | AOAC 980.31 | Không phát hiện (LOD=10) |
| 5 | VW020 VW (a) <i>Salmonella spp.</i> | /25 g | ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020 | Không phát hiện |
| 6 | VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí | cfu/ g | ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022 | 9.7x10 ² |
| 7 | VD340 VD (a) Coliforms | cfu/ g | TCVN 6848:2007; ISO 4832:2006 | Không phát hiện (LOD=10) |
| 8 | VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc | cfu/ g | TCVN 8275-2:2010; ISO 21527-2:2008 | Không phát hiện (LOD=10) |
| 9 | VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng | g/ 100 g | AOAC 991.43 | 4.58 |
| 10 | VD165 VD (a) Béo | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-3498 | 1.09 |
| 11 | VD652 VD (a) Acid béo bão hòa | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-5631 (Tham khảo ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06) | 0.26 |
| 12 | VD652 VD (a) Acid béo dạng trans | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-5631 (Tham khảo ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06) | Không phát hiện (LOD=0.005) |
| 13 | VD652 VD (a) Acid béo không bão hòa | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-5631 (Tham khảo ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06) | 0.78 |
| 14 | VW066 VW (a) Protein | g/ 100 g | TCVN 10034:2013 | 13.54 |
| 15 | VW07W VW (a) Tro Tổng | g/ 100 g | N79-R-RD1-TP-9759(2022) (Tham khảo AOAC 923.03) | 39.8 |
| 16 | VW083 VW (a) Độ ẩm | g/ 100 g | N79-R-RD1-TP-9762 (2022) (Tham khảo ISO 1573:1980) | 4.12 |
| 17 | VWWS6 VW Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng) | g/ 100 g | FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003 | 36.85 |
| 18 | VD4P0 VD (a) Đường tổng | g/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20) | 14.4 |





GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 4202006347

Đăng ký lần đầu: ngày 08 tháng 08 năm 2024

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 23 tháng 06 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YAMASAKI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: YAMASAKI TRADING COMPANY
LIMITED

Tên công ty viết tắt: YAMASAKI CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 99, Đường Nguyễn Văn Linh, Khu Dân Cư Hòn Ró 1, Xã Phước Đồng, Thành phố
Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0903833567

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 1.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LÊ THỊ ĐỨC NHÂN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 30/05/1995 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Căn cước

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 056195009807

Ngày cấp: 14/07/2024 Nơi cấp: Bộ Công An

Địa chỉ thường trú: A2.30.10 Chung cư Goldview, 346 Bến Vân Đồn, Phường 01,
Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 99, Đường Nguyễn Văn Linh, Khu Dân Cư Hòn Ró 1, Xã Phước
Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ THỊ ĐỨC NHÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/05/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Căn cước

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 056195009807

Ngày cấp: 14/07/2024

Nơi cấp: Bộ Công An

Địa chỉ thường trú: A2.30.10 Chung cư Goldview, 346 Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 99, Đường Nguyễn Văn Linh, Khu Dân Cư Hòn Rớ 1, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

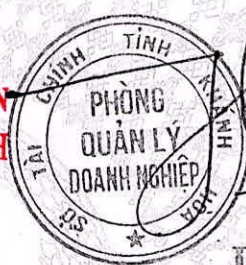
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HỒ HOÀNG LUẬN
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 19-08-2025

Số chứng thực: 5A1 Quyền số: 01-SCT/BS

CÔNG CHỨNG VIÊN



Lê Trần Huy

Hồ Hoàng Luận

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG GIA CÔNG

Hợp đồng số: PALDO VINA – YAMASAKI/2025

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và khả năng của Hai Bên,

Hôm nay, ngày 26 tháng 05 năm 2025, chúng tôi gồm:

Bên Nhân Gia Công:

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH PALDO VINA**
Địa chỉ : **Cụm Công nghiệp Đồng Lạng, Xã Phù Ninh, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam**
Điện thoại: : **0437.724.280**
Mã số doanh nghiệp : **2600304973**
Đại diện : **Ông OH SEUNG YEOL**
Chức vụ : **Phó Tổng giám đốc phụ trách Kinh Doanh**

Theo ủy quyền số: **PDVN/UQ/2024-011** do ông Hong Sung Hoon kí ngày 22/11/2024
(Sau đây gọi tắt là Bên A)

Bên Đặt Gia Công:

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YAMASAKI**
Địa chỉ : **Số 99, Đường Nguyễn Văn Linh, Khu Dân Cư Hòn Rớ 1 Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam**
Điện thoại: : **0903833567**
Mã số doanh nghiệp : **4202006347**
Đại diện : **Bà Lê Thị Đức Nhân**
Chức vụ : **Giám đốc**

(Sau đây gọi tắt là Bên B)

1911

Tùy theo ngữ cảnh, Bên A và Bên B sau đây có thể được gọi riêng là "**Bên**" và gọi chung là "**Các Bên/Hai Bên**".

Sau khi bàn bạc và thảo luận và thống nhất, hai Bên đã đồng ý ký kết Hợp đồng gia công ("**Hợp Đồng**") này với các điều, khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

- 1.1. "**Sản Phẩm**" là sản phẩm mì mang thương hiệu dành riêng cho YAMASAKI của Bên B mà Bên A đồng ý sản xuất và cung cấp cho Bên B theo quy định tại Hợp Đồng này.
- 1.2. "**Đơn Đặt Hàng**" là văn bản do Bên B phát hành và gửi cho Bên A để đặt gia công Sản Phẩm, trong đó ghi nhận thông tin về Sản Phẩm bao gồm: số lượng; đơn giá; thời gian và địa điểm giao hàng; và các thông tin khác liên quan (nếu có).
- 1.3. "**Biên Bản Giao Nhận Hàng**" là văn bản ghi nhận việc giao nhận Sản Phẩm tại địa điểm giao hàng và được ký xác nhận bởi đại diện hợp pháp của các Bên. Mẫu Biên Bản Giao Nhận Hàng sẽ do Bên A cung cấp.
- 1.4. "**Ngày Làm Việc**" là ngày trừ Thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ lễ chính thức theo quy định pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 2: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- 2.1. Bên B đồng ý giao và Bên A đồng ý nhận gia công sản phẩm mì mang thương hiệu dành riêng YAMASAKI của Bên B theo quy trình sản xuất do Bên A quy định.
- 2.2. Các Bên thỏa thuận rằng Bên A sẽ sản xuất và cung cấp Sản Phẩm trên cơ sở độc quyền cho Bên B theo các điều, khoản của Hợp Đồng này.

ĐIỀU 3: THÔNG TIN SẢN PHẨM

- 3.1. Tên Sản Phẩm: **Mì cay Têru**
- 3.2. Nơi sản xuất: Nhà máy sản xuất của Bên A
- 3.3. Quy chuẩn và chất lượng sản phẩm:
 - a. Sản Phẩm được sản xuất theo công thức và đóng gói của Bên A với nguyên liệu và quy trình sản xuất do Bên A quy định và do Bên A cung cấp;
 - b. Sản phẩm cuối cùng có chất lượng như được quy định trong Phụ lục **PL-GIA CÔNG YAMASAKI/2025-001** về Chất lượng sản phẩm đính kèm theo Hợp Đồng này;
 - c. Bao gói sản phẩm mang thương hiệu dành riêng cho YAMASAKI của Bên B;
 - d. Bên A cam kết đáp ứng các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất sản phẩm.
- 3.4. Giá chốt trong Phụ lục Hợp Đồng được giữ nguyên trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Hợp



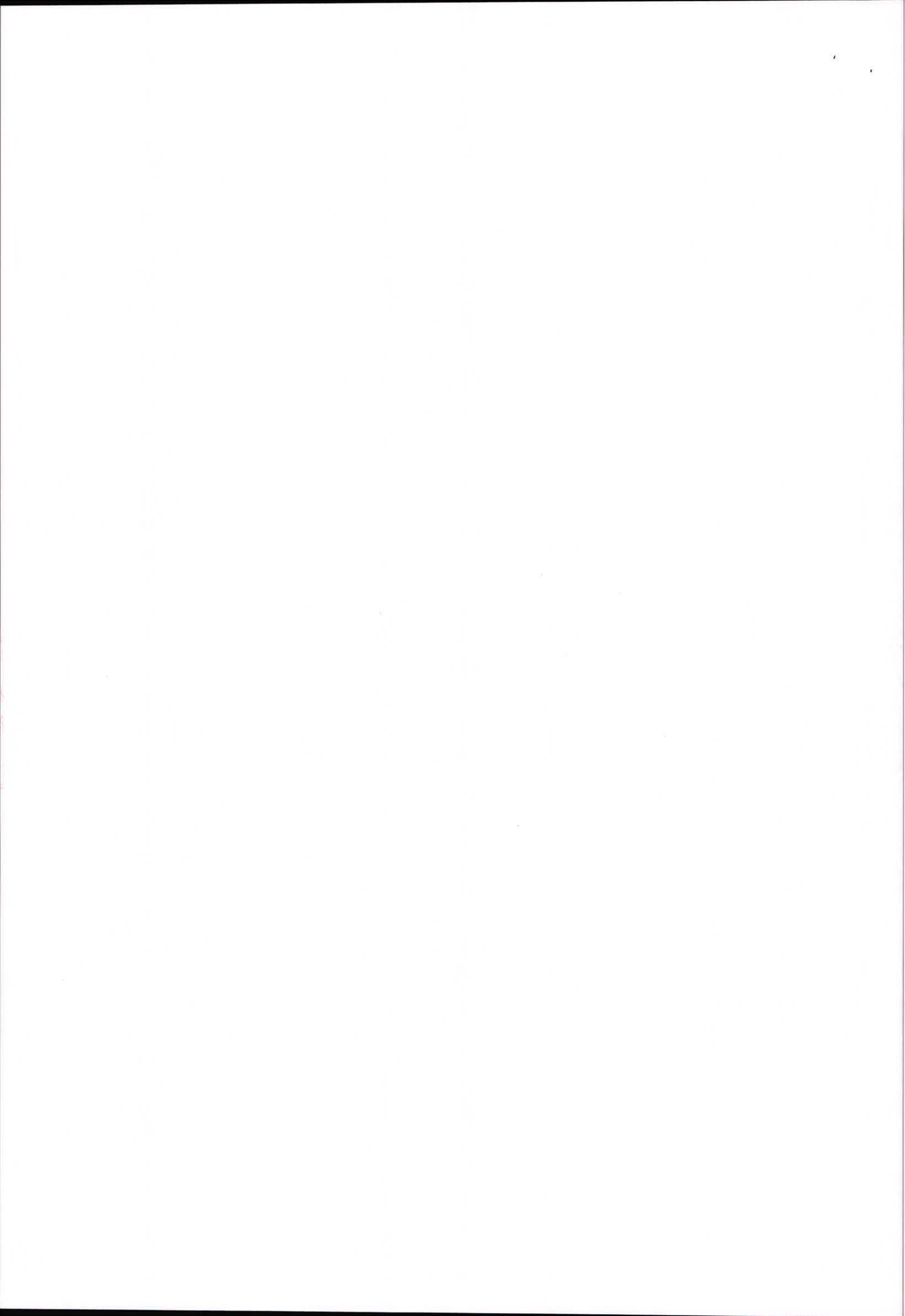
đồng này có hiệu lực. Sau thời hạn này, khi có sự thay đổi về giá, Bên A phải thông báo bằng văn bản cho Bên B trước khi thay đổi ít nhất 30 ngày. Giá mới không áp dụng với Đơn Đặt Hàng đã được chấp thuận theo quy định tại điểm 2 Điều 4 trước ngày có hiệu lực.

ĐIỀU 4: ĐẶT HÀNG

- 4.1. Bên B sẽ gửi e-mail Đơn Đặt Hàng cho Bên A trong đó nêu rõ số lượng, đơn giá, thời gian và địa điểm yêu cầu giao hàng. Số lượng đặt hàng tối thiểu là: **250,000 (gói) Sản phẩm / 01 lần đặt hàng (có khả năng 02 SKU)**. Bên B có trách nhiệm gửi Đơn Đặt Hàng trước 30 ngày làm việc trước ngày dự kiến giao hàng trên Đơn Đặt Hàng. Bên A có quyền từ chối nếu Đơn Đặt Hàng không đáp ứng số lượng đặt hàng tối thiểu. Trường hợp việc thay đổi nội dung Đơn Đặt Hàng theo đề nghị của một Bên dẫn đến việc phát sinh chi phí cho Bên còn lại và không báo trước một thời gian hợp lý, Bên đề nghị sẽ phải chịu toàn bộ các chi phí phát sinh.
- 4.2. Đơn Đặt Hàng chỉ được xem là đã được chấp thuận khi Bên A đã nhận được tiền đặt cọc (50% giá trị Đơn Đặt Hàng) theo quy định tại điểm 2 Điều 6 của Hợp Đồng và Bên B đã nhận được xác nhận của Bên A. Bên A sẽ chỉ tiến hành sản xuất Sản Phẩm đối với các Đơn Đặt Hàng đã được chấp thuận.
- 4.3. Bên A sẽ nhập hàng vào kho của Bên A trong 15 ngày kể từ khi Đơn Đặt Hàng được chấp thuận và thông báo cho Bên B. Trong trường hợp nhập kho vào ngày đã định gặp khó khăn, Hai Bên sẽ cùng trao đổi và thương lượng.
- 4.4. Quy cách phẩm chất:
- Phạm vi cung cấp, danh mục, số lượng, mẫu mã, tiêu chuẩn chất lượng, quy chuẩn áp dụng và đơn giá Sản Phẩm quy định chi tiết tại Đơn Đặt Hàng.
 - Tổng giá trị quy định trên đã bao gồm chi phí vận chuyển tới Địa điểm giao hàng.
 - Trong quá trình sản xuất Bên B có quyền kiểm tra và yêu cầu Bên A sản xuất theo đúng mẫu sản phẩm đã thỏa thuận bắt đầu từ ngày đưa nguyên liệu vào sản xuất (nếu cần).

ĐIỀU 5: GIAO NHẬN SẢN PHẨM VÀ CHUYỂN RỦI RO

- 5.1. Bên A có trách nhiệm giao Sản Phẩm cho Bên B tại kho của Bên B theo Đơn Đặt Hàng. Bên A chịu trách nhiệm cung cấp Biên Bản Giao Nhận Hàng để đại diện hợp pháp của mỗi Bên cùng ký xác nhận. Chi phí bốc dỡ hàng hóa mỗi Bên chịu một đầu (Bên A chịu chi phí lên hàng, Bên B chịu chi phí xuống hàng).
- 5.2. Sau 15 ngày, Sản Phẩm được sản xuất và lưu tại kho của Bên A xong, sẽ được Bên A giao tới kho của Bên B trong thời hạn 03 Ngày Làm Việc kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bên B. Trong trường hợp giao hàng vào ngày đã định gặp khó khăn, Hai Bên sẽ cùng trao đổi và thương lượng. Bên B có trách nhiệm kiểm tra Sản phẩm tại Địa điểm giao hàng và cử người đại diện hợp pháp ký xác nhận Biên Bản Giao Nhận Hàng. Kể từ thời điểm



Bên B ký xác nhận vào Biên Bản Giao Nhận Hàng, Bên B mất quyền khiếu nại đối với Sản Phẩm, ngoại trừ các khiếm khuyết của Sản Phẩm không thể phát hiện được trong quá trình kiểm tra bằng biện pháp thông thường và Bên A đã biết hoặc phải biết về các khiếm khuyết đó nhưng không thông báo cho Bên B.

- 5.3. Các rủi ro đối với sản phẩm sẽ được chuyển giao sang cho Bên B kể từ thời điểm (i) Bên B ký Biên Bản Giao Nhận Hàng tại Địa điểm giao hàng; hoặc (ii) Bên B phải nhận Sản Phẩm theo thỏa thuận nếu Bên B không nhận Sản Phẩm hoặc chậm trễ trong việc nhận/dỡ Sản Phẩm theo quy định tại Hợp Đồng/Đơn Đặt Hàng; hoặc (iii) Bên B có phát sinh nhu cầu lưu kho sản phẩm gia công tại nhà kho của Bên A; tùy theo điều kiện nào đến trước. Tại thời điểm tính rủi ro này, toàn bộ mọi rủi ro liên quan đến Sản Phẩm bao gồm: Thiên tai, hỏa hoạn, các trường hợp bất khả kháng hoặc các rủi ro làm tổn thất/làm giảm giá trị thương mại của Sản Phẩm sẽ thuộc trách nhiệm của Bên B.

Bộ chứng từ đính kèm khi giao Sản Phẩm: Khi giao Sản Phẩm, Bên A cung cấp cho Bên B Hồ sơ bao gồm:

Biên Bản Giao Nhận Hàng tương ứng với số lượng, chủng loại Sản Phẩm được Bên A tiếp nhận (Bản gốc).

Khi giao Sản Phẩm cho Bên B, phải tách riêng thành phẩm theo từng loại và phải có phiếu kiểm tra theo mẫu của Bên B.

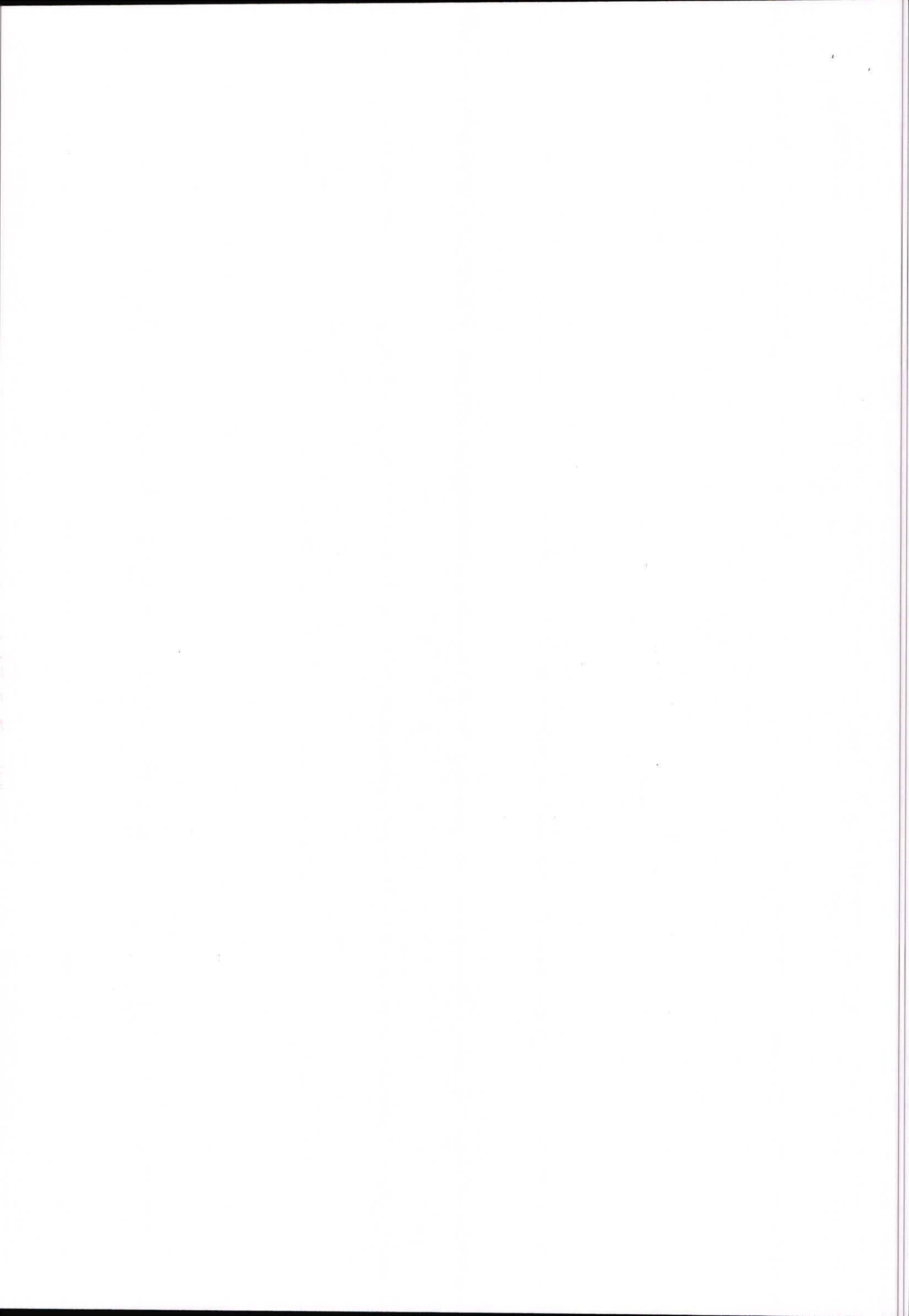
Nếu Bên B kiểm tra và phát hiện có sự cố về chất lượng thì sẽ mời đại diện Bên A đến để làm sáng tỏ vấn đề, nếu nguyên nhân sự cố do Bên A không thực hiện theo đúng quy trình sản xuất gia công đóng gói theo quy định của Bên B thì Bên B sẽ từ chối nhận lô hàng có sự cố trên và Bên A phải sản xuất cung cấp lại cho Bên B theo đúng số lượng hàng bị vi phạm trong vòng không quá 15 ngày kể từ ngày Bên A nhận được thông báo về vi phạm chất lượng. Trường hợp xảy ra tranh chấp liên quan đến chất lượng, các Bên sẽ cùng chỉ định một đơn vị giám định độc lập, uy tín để thực hiện giám định chất lượng Sản Phẩm. Kết quả giám định của đơn vị giám định là kết quả cuối cùng, có giá trị ràng buộc Hai Bên. Chi phí giám định do Bên có lỗi chịu.

Địa điểm giao nhận: Sản Phẩm được giao tại kho của Bên B hoặc kho của Bên A khi Bên B yêu cầu. Bên B có trách nhiệm tổ chức, sắp xếp kho bãi tạo điều kiện cho Bên A giao Sản Phẩm nhanh chóng thuận lợi.

- 5.4. Khi có bất kỳ sự chậm trễ nào trong việc giao nhận Sản Phẩm gây ra bởi một Bên thì Bên còn lại có quyền yêu cầu Bên gây ra sự chậm trễ thanh toán tất cả các chi phí hoặc thiệt hại phát sinh do sự chậm trễ đó.

ĐIỀU 6: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 6.1. Đối với mỗi Đơn Đặt Hàng, Bên B đặt cọc cho Bên A một khoản tiền tương đương 50% giá trị của Đơn Đặt Hàng trong thời hạn 03 ngày sau khi gửi Đơn Đặt Hàng.



- 6.2. Bên B phải thanh toán đầy đủ cho Bên A số tiền còn lại của Đơn Đặt Hàng ít nhất trước 03 (ba) ngày làm việc trước khi Bên A giao Sản phẩm cho Bên B, ngoại trừ khi được sự đồng ý của Bên A trong từng trường hợp cụ thể nhưng không quá 02 (hai) ngày làm việc trước khi Bên A giao Sản Phẩm cho Bên B.
- 6.3. Bên B phải thanh toán các khoản tiền phải trả theo Hợp Đồng này bằng chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng của Bên A như sau:
- Tên người thụ hưởng: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PALDO VINA**
Số tài khoản: 700-001-309742
Tên ngân hàng: NGÂN HÀNG TNHH MTV SHINHAN VIỆT NAM
Địa chỉ ngân hàng: CN TRẦN DUY HƯNG - HÀ NỘI
- 6.4. Bên thanh toán phải chi trả chi phí thanh toán.
- 6.5. Trường hợp Bên B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo quy định trên thì Bên A có quyền (i) tạm ngừng cung cấp toàn bộ Sản Phẩm theo các Đơn Đặt Hàng, (ii) yêu cầu Bên B thanh toán khoản tiền phạt tương đương 1% giá trị Đơn Đặt Hàng tương ứng mỗi ngày chậm thanh toán (tối đa không quá 8% tổng giá trị Đơn Đặt Hàng), (iii) yêu cầu Bên B chịu lãi chậm thanh toán với mức lãi suất là 10% tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả và (iv) yêu cầu Bên B bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh (bao gồm cả thiệt hại thực tế và thiệt hại có khả năng xảy ra) gây ra do lỗi của Bên B.
- 6.6. Mọi thay đổi về điều khoản và thời hạn thanh toán được thể hiện bằng phụ lục được thống nhất giữa Hai Bên.

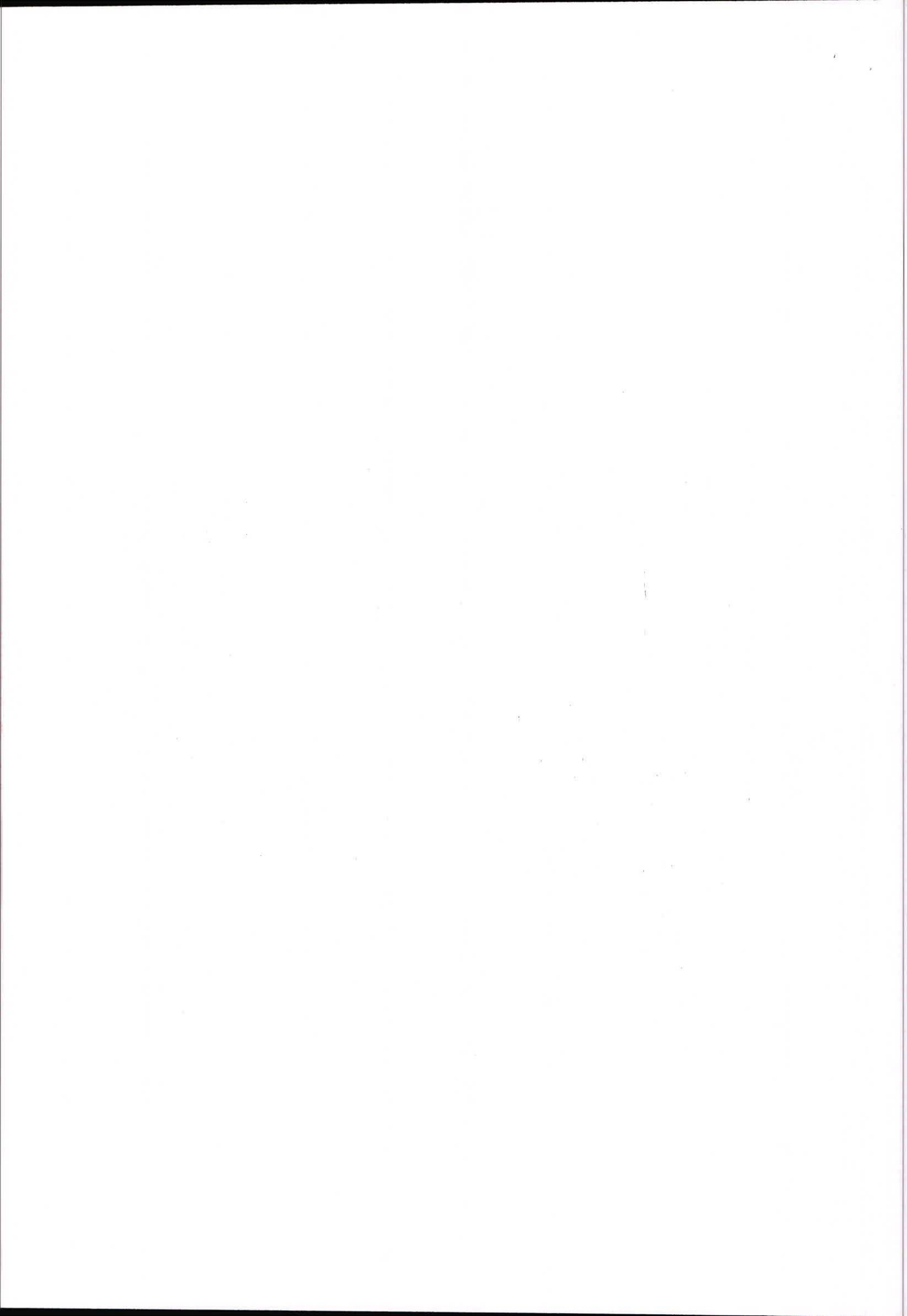
ĐIỀU 7: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

7.1. Trách nhiệm của Bên A:

- a. Sản xuất Sản Phẩm theo đúng tiêu chuẩn, chất lượng, và số lượng theo quy định của Hợp Đồng này;
- b. Giao Sản Phẩm đúng số lượng, chất lượng và thời gian quy định;
- c. Hỗ trợ Bên B giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng đối với chất lượng của Sản Phẩm gây ra do lỗi trong quá trình sản xuất;
- d. Nghiêm túc tuân thủ thỏa thuận độc quyền đối với Sản Phẩm theo quy định của Hợp Đồng này.

7.2. Trách nhiệm của Bên B:

- a. Nhận hết số lượng Sản Phẩm được giao bởi Bên A theo đúng số lượng trong Đơn Đặt Hàng;
- b. Thanh toán tiền đầy đủ cho Bên A như quy định tại Điều 6 Hợp Đồng này;

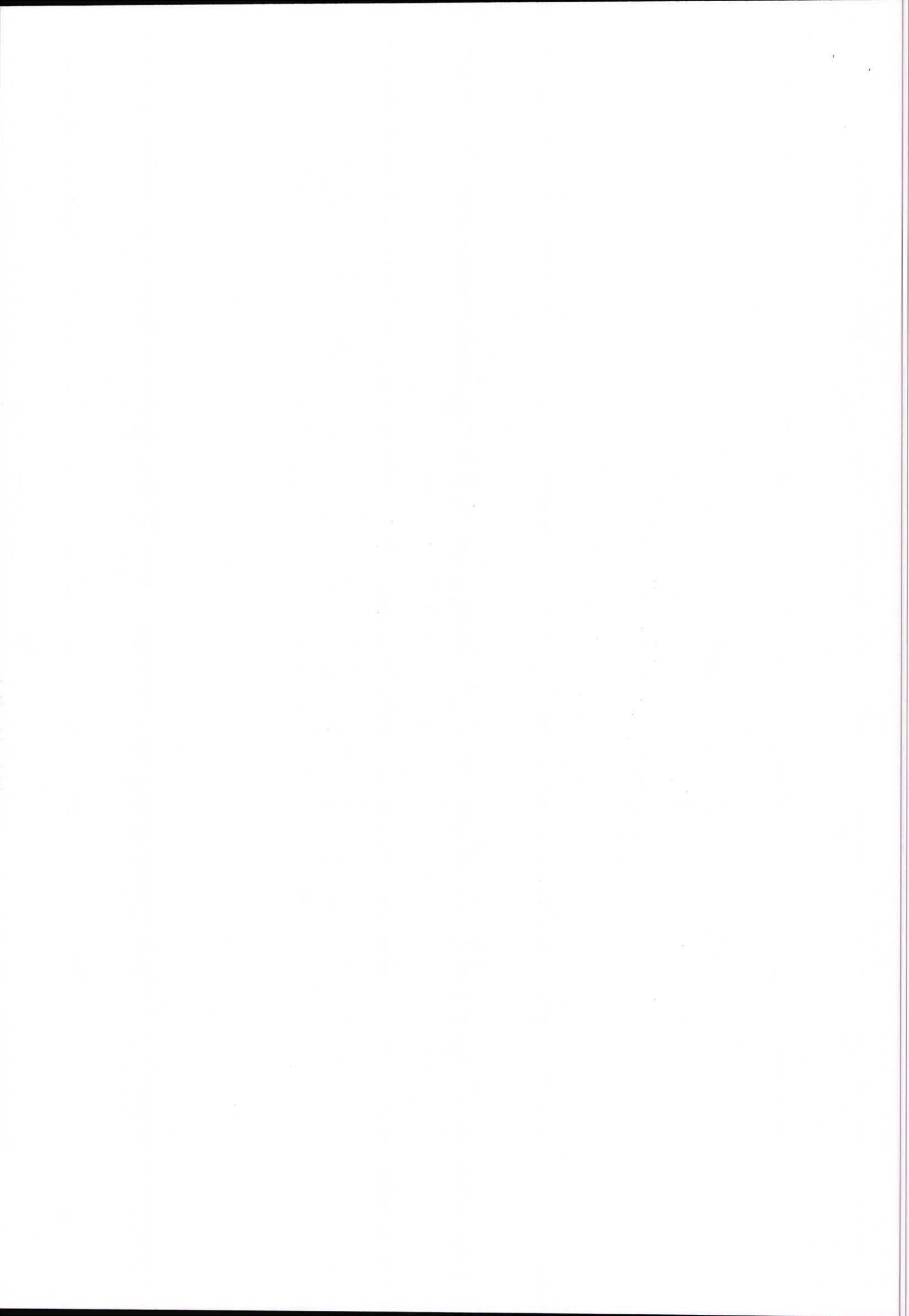


- c. Kiểm tra chất lượng, số lượng Sản Phẩm trước khi nhận Sản Phẩm từ Bên A.
- d. Cung cấp cho Bên A bản sao hợp lệ của các giấy tờ liên quan đến quyền sở hữu nhãn hiệu sản phẩm (Sản Phẩm) do cơ quan thẩm quyền cấp khi có yêu cầu của Bên A.
- e. Chịu mọi trách nhiệm liên quan đến quyền sở hữu và sử dụng Nhãn Hiệu của Sản Phẩm, bao gồm các chi phí tổ tụng phát sinh từ việc tranh chấp Nhãn Hiệu với Bên thứ ba.

ĐIỀU 8: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

- 8.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan không thể lường trước được, nằm ngoài tầm kiểm soát của một hoặc các Bên và ngăn cản một hoặc các Bên thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn: chiến tranh, thiên tai, bạo động, hỏa hoạn, dịch bệnh, tình trạng khẩn cấp hoặc các sự kiện khác theo lệnh cấm hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào của một Bên với Bên thứ ba (Sau đây gọi chung là "*Sự Kiện Bất Khả Kháng*").
- 8.2. Khi xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, Bên bị ảnh hưởng có nghĩa vụ:
 - a. Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp cần thiết để hạn chế tối đa các ảnh hưởng do Sự Kiện Bất Khả Kháng gây ra; và
 - b. Thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trong vòng 3 ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc bị cản trở do Sự Kiện Bất Khả Kháng và các biện pháp mà Bên bị ảnh hưởng đã (hoặc sẽ) áp dụng để hạn chế tối đa các ảnh hưởng do Sự Kiện Bất Khả Kháng gây ra.
- 8.3. Sau khi đã thông báo, Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng sẽ được tạm ngừng thực hiện đối với (các) nghĩa vụ, công việc trong thời gian diễn ra Sự Kiện Bất Khả Kháng. Thời gian thực hiện nghĩa vụ bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra Sự Kiện Bất Khả Kháng và Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng có nghĩa vụ cung cấp tài liệu chứng minh việc bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng.
- 8.4. Trường hợp Sự Kiện Bất Khả Kháng kéo dài quá 60 ngày kể từ ngày một trong các Bên thông báo, Bên còn lại sẽ có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này sau khi đã thông báo cho Bên kia biết trước ít nhất 30 ngày. Trong trường hợp này, các Bên sẽ tiến hành thanh lý Hợp Đồng và không Bên nào phải chịu phạt và/hoặc bồi thường thiệt hại do chấm dứt Hợp Đồng sau khi đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định về Sự Kiện Bất khả Kháng được quy định tại Điều này.

ĐIỀU 9: HOÀN CẢNH THAY ĐỔI CƠ BẢN



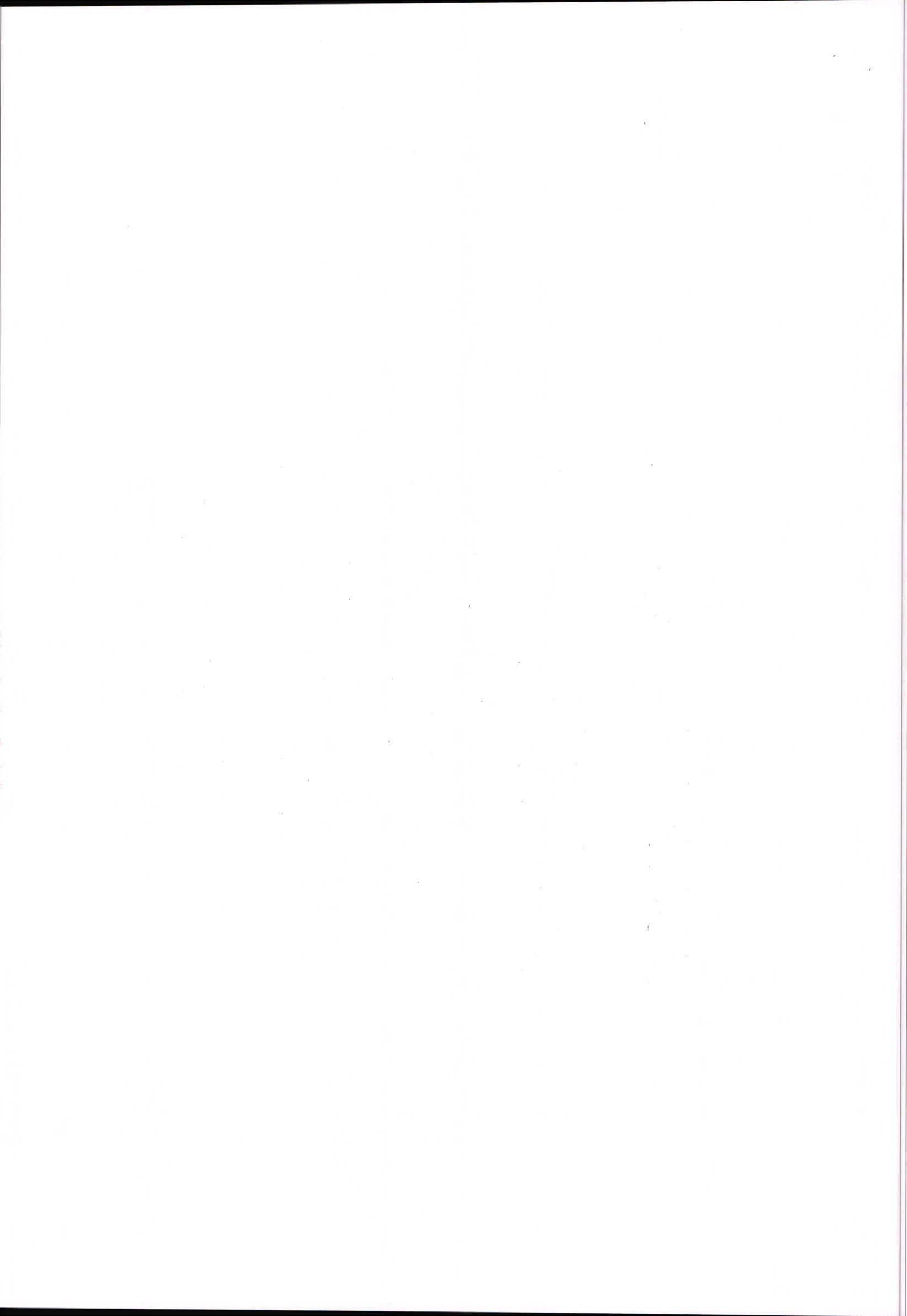
- 9.1. Nếu việc thực hiện Hợp Đồng này trở nên khó khăn cho một trong các Bên, thì Bên đó phải chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ của mình tùy theo những quy định sau đây về thay đổi hoàn cảnh (Khó khăn).
- 9.2. Tuy nhiên, nếu sau thời điểm ký Hợp Đồng này, các sự kiện xảy ra mà các Bên không lường trước được và làm thay thế căn bản sự cân bằng của Hợp Đồng tại thời điểm hiện tại, theo đó tạo ra nghĩa vụ phi lý cho một trong các Bên trong việc thực hiện các nghĩa vụ Hợp Đồng (Khó khăn) thì bên đó có quyền yêu cầu sửa đổi Hợp Đồng với điều kiện là:
- Bên bị ảnh hưởng không thể xem xét đến các hoàn cảnh đó tại thời điểm ký Hợp Đồng;
 - Các hoàn cảnh vượt quá kiểm soát của Bên bị ảnh hưởng; và
 - Theo Hợp Đồng này, rủi ro của các hoàn cảnh không phải là một trong các hoàn cảnh mà Bên bị ảnh hưởng phải chịu.
 - Mỗi Bên sẽ xem xét một cách thiện chí bất kỳ đề xuất sửa đổi mà Bên kia đưa ra đối với những lợi ích của mối quan hệ giữa các Bên.
- 9.3. Trường hợp Các Bên không thể thỏa thuận được về việc sửa đổi Hợp Đồng trong một thời hạn hợp lý, một trong Các Bên có thể yêu cầu Trọng tài VIAC:
- Chấm dứt Hợp Đồng tại một thời điểm xác định;
 - Sửa đổi Hợp Đồng để cân bằng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên do hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

ĐIỀU 10: SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- 10.1. Bên B thừa nhận và đồng ý rằng Nhãn hiệu "TÊRU" ("**Nhãn Hiệu**") là nhãn thương hiệu duy nhất và độc quyền. Bên B đồng ý bồi thường và giữ cho Bên A không bị tổn hại trước bất kỳ và tất cả các khiếu nại, khiếu kiện, tổn thất và phán quyết phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện hoặc hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ nào liên quan đến Nhãn Hiệu và Sản Phẩm.
- 10.2. Bên B đồng ý cấp quyền sử dụng Nhãn Hiệu cho Bên A để sản xuất Sản Phẩm theo thỏa thuận trong Hợp Đồng này. Trong quá trình sử dụng Nhãn Hiệu, Bên A không được có bất kỳ hành động nào mà có thể làm xấu đi, giảm giá trị, hoặc gây ra phản ứng tiêu cực đối với Nhãn Hiệu. Bên A không chịu trách nhiệm trong trường hợp bất kỳ Bên thứ ba nào sử dụng Nhãn Hiệu mà không phải do lỗi của Bên A.

ĐIỀU 11: THÔNG TIN BẢO MẬT

- 11.1. Các Bên cam kết bảo mật toàn bộ các thông tin liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn ở các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này, các kế hoạch, tài liệu, dữ liệu, hoạt động kinh doanh, danh sách khách hàng, giá cả, chiết khấu hoặc giảm giá, và bất kỳ thông tin nào khác có liên quan được tiết lộ bởi một trong Các Bên cho Bên còn lại, cho dù là bằng

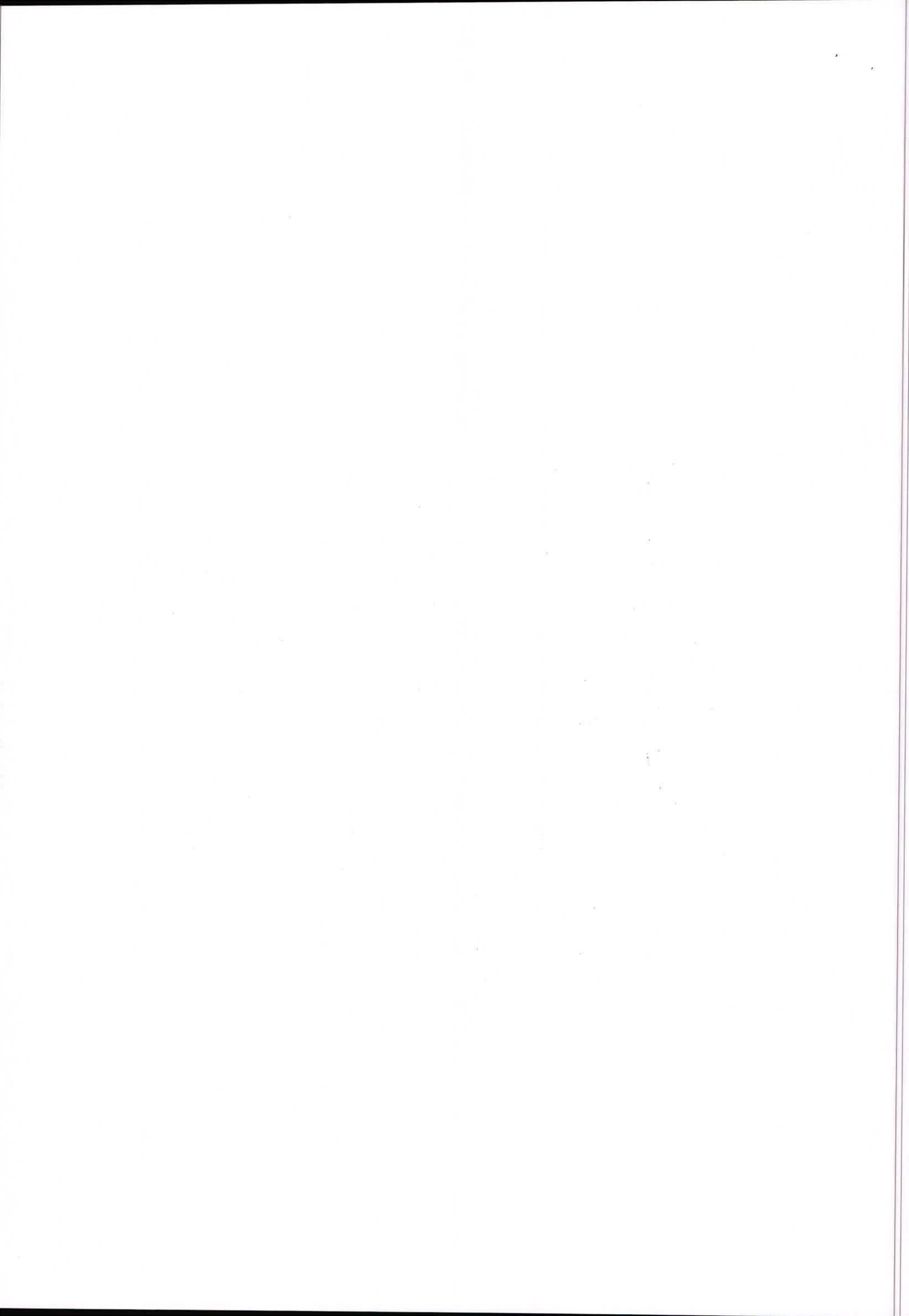


miệng hay bằng văn bản hoặc bằng bất kỳ hình thức nào khác, trước khi ký kết và trong suốt thời gian có hiệu lực của Hợp Đồng này (“**Thông Tin Bảo Mật**”).

- 11.2. Không Bên nào được tiết lộ Thông Tin Bảo Mật cho bất kỳ một Bên thứ ba nào hoặc cho phép bất kỳ một Bên thứ ba nào sử dụng bất kỳ Thông Tin Bảo Mật được quy định tại điều này,
- a. Giám đốc, cán bộ, nhân viên, đại diện hoặc các đơn vị tư vấn của Hai Bên đồng ý chịu bị ràng buộc bởi cùng các nghĩa vụ bảo mật theo Hợp Đồng này hoặc những người mà thường phải có nghĩa vụ bảo mật theo quy định của luật áp dụng; và
 - b. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà Bên đó có nghĩa vụ pháp lý phải tiết lộ Thông Tin Bảo Mật cho các cơ quan này khi:
 - Một lệnh của tòa án có thẩm quyền bất kỳ hoặc bất kỳ cơ quan luật định, cơ quan tư pháp, cơ quan hành pháp nào hoặc một cơ quan khác tương tự hoặc bất kỳ cơ quan thuế có thẩm quyền nào; hoặc
 - Quy định pháp luật mà Bên nhận Thông Tin Bảo Mật phải tuân thủ.
- 11.3. Trong trường hợp một trong các Bên có nghĩa vụ phải tiết lộ thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bên đó có nghĩa vụ thông báo cho Bên còn lại bằng văn bản trong thời gian hợp lý trước khi tiết lộ thông tin theo yêu cầu đó.
- 11.4. Thông Tin Bảo Mật theo quy định tại Điều này không bao gồm các thông tin được hoặc đã được công khai hoặc thông tin được Bên tiết lộ thường xuyên cung cấp cho một Bên thứ ba mà không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bên không tiết lộ.
- 11.5. Trong quá trình sản xuất chỉ cho phép những cá nhân được sự ủy nhiệm của Bên B tham quan kiểm tra, những cá nhân này trước khi vào tham quan kiểm tra phải được thông báo bằng văn bản chính thức và được sự chấp thuận của Bên A. Trong quá trình tham quan, cá nhân đó có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Bên A và quy định của pháp luật về an ninh trật tự, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động và tuyệt đối không được quay phim, chụp hình bằng tất cả các phương tiện như máy quay phim, máy chụp ảnh, điện thoại di động. Bên A có quyền yêu cầu cá nhân đó rời khỏi phạm vi nhà máy của Bên A nếu không tuân thủ các quy định nêu tại Khoản này.

ĐIỀU 12: THÔNG BÁO

- 12.1. Mọi thông báo, yêu cầu, khiếu nại hoặc thư từ trao đổi mà một Bên gửi cho Bên còn lại theo Hợp Đồng này phải được lập thành văn bản gửi đến Bên còn lại tới địa chỉ liên hệ như đã nêu ở phần đầu Hợp Đồng và/hoặc thông qua các hình thức email, điện thoại, fax và/hoặc bất kỳ hình thức nào mà các Bên đồng ý áp dụng trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.
- Trong trường hợp một Bên thay đổi thông tin hoặc địa chỉ liên hệ, Bên đó phải thông báo cho Bên còn lại trước ít nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi. Nếu không thực hiện



thông báo dẫn đến thiệt hại cho Bên nhận, Bên thay đổi chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí phát sinh liên quan.

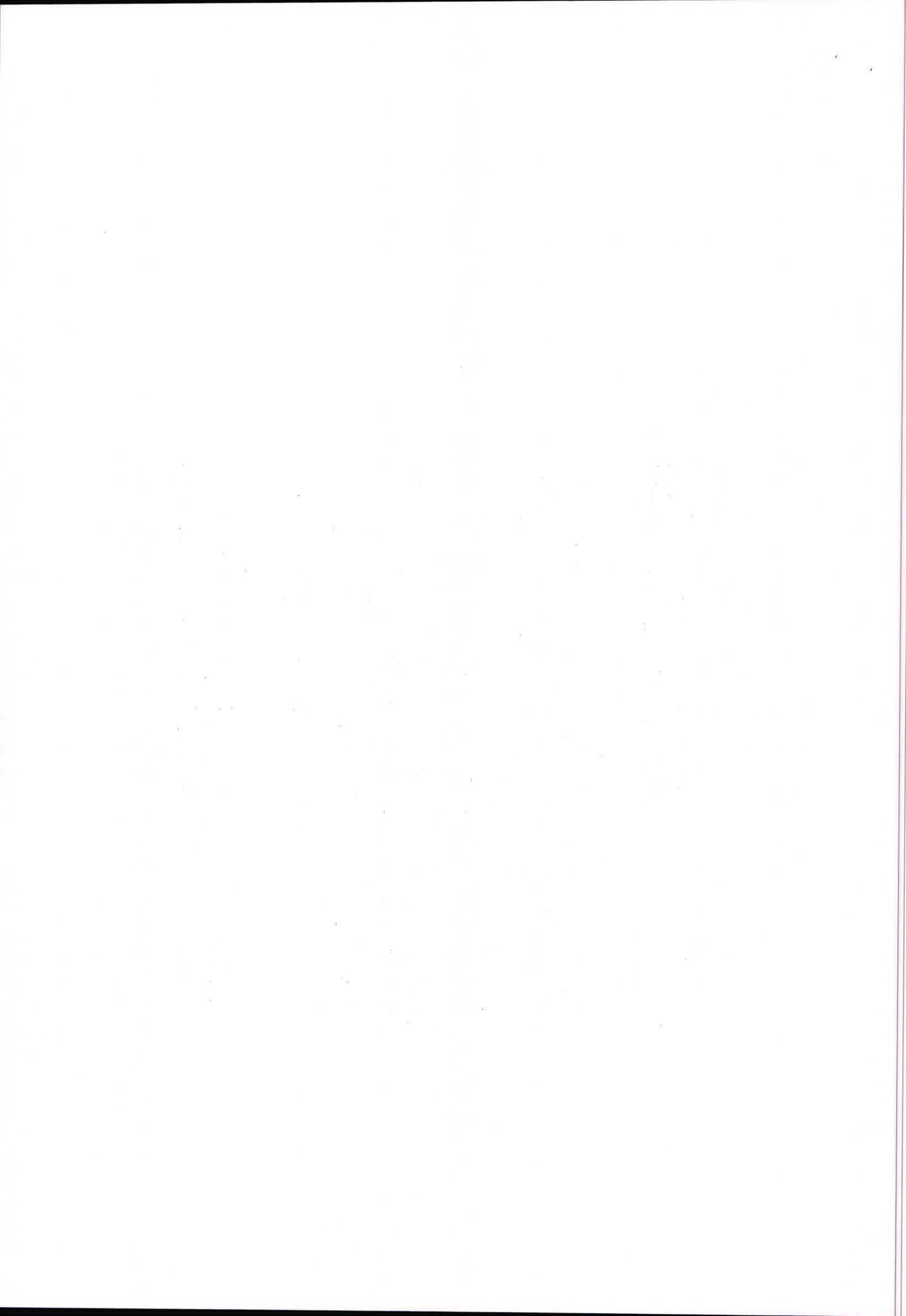
- 12.2. Mọi thông báo được coi là nhận được nếu được một Bên gửi cho Bên còn lại theo một trong các hình thức thông báo nêu trên. Ngày nhận thông báo được xác định như sau:
- Là ngày gửi trong trường hợp gửi bằng email; hoặc
 - Là ngày mà các Bên trao đổi qua điện thoại; hoặc
 - Vào ngày người gửi nhận được báo chuyển fax thành công trong trường hợp gửi bằng fax; hoặc
 - Vào ngày kế tiếp kể từ ngày bưu điện xác nhận chuyển phát thành công trong trường hợp thư chuyển phát nhanh hoặc thư bảo đảm.

ĐIỀU 13: BỒI THƯỜNG VÀ PHẠT VI PHẠM

- 13.1. Một Bên sẽ bồi thường cho Bên còn lại đối với tất cả các mất mát, thiệt hại, bao gồm chi phí luật sư, án phí và phí tổn để thi hành bất kỳ quyền được bồi thường nào theo Hợp Đồng này phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ vi phạm nào của Bên đó đối với Hợp Đồng này.
- 13.2. Vi phạm về chất lượng: (làm lại, giảm giá, sửa chữa, bồi thường v.v...). không đảm bảo chất lượng theo hàng mẫu Hai Bên đã thống nhất. Bên A phải sản xuất cung cấp lại cho Bên B theo đúng số lượng hàng bị vi phạm trong vòng không quá 15 ngày kể từ ngày Bên A nhận được thông báo về vi phạm chất lượng.

ĐIỀU 14: HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT

- 14.1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và có thời hạn 01 năm. Trong vòng 30 ngày trước khi Hợp Đồng này hết hạn, Các Bên có thể thỏa thuận bằng văn bản để gia hạn Hợp Đồng này.
- 14.2. Hợp Đồng này sẽ chấm dứt trước thời hạn khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- Các Bên cùng thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn;
 - Một Bên vi phạm nghĩa vụ cơ bản của mình theo Hợp Đồng, đã nhận được thông báo vi phạm Hợp Đồng bằng văn bản của Bên còn lại nhưng không khắc phục vi phạm trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nêu trên. Bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng phải thông báo cho Bên còn lại biết trước ít nhất 03 ngày tính đến ngày dự kiến chấm dứt Hợp Đồng. Trong trường hợp này, Bên có lỗi phải bồi thường thiệt hại cho Bên còn lại và chịu phạt vi phạm Hợp đồng theo quy định tại Điều 13 Hợp đồng này;
 - Một Bên bị giải thể, lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, nộp đơn xin phá sản hoặc bị bắt đầu các thủ tục liên quan đến phá sản.



- d. Một Bên tùy ý đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bằng cách gửi thông báo cho Bên còn lại biết trước ít nhất 30 ngày tính đến ngày dự kiến chấm dứt Hợp Đồng.
- 14.3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp Đồng theo Điều này thì bất kỳ và tất cả những khoản tiền Bên B phải thanh toán theo Hợp Đồng này sẽ đến hạn và phải được thanh toán ngay trong vòng 07 ngày sau khi Hợp Đồng chấm dứt.
- 14.4. Khi chấm dứt hợp đồng hoặc hợp đồng hết thời hạn hiệu lực, Hai Bên có trách nhiệm làm bản thanh lý hợp đồng và thực hiện các nghĩa vụ thanh toán còn tồn tại giữa Các Bên.

ĐIỀU 15: LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 15.1. Hợp Đồng này, bao gồm tất cả tài liệu, danh mục và phụ lục đính kèm theo Hợp Đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.
- 15.2. Sau khi một Bên gửi thông báo nêu vấn đề khiếu nại hoặc tranh chấp liên quan đến Hợp Đồng này, Các Bên phải cố gắng hết sức để giải quyết khiếu nại hoặc tranh chấp đó thông qua thương lượng thiện chí giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi lẫn nhau.
- 15.3. Trường hợp Các Bên không thể giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, vụ tranh chấp sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (“VIAC”) tại Hà Nội, theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc giải quyết tranh chấp, bao gồm nhưng không giới hạn Phí trọng tài, Phí luật sư, phí di chuyển, ăn ở của Trọng tài viên và Luật sư sẽ do bên thua kiện chi trả.

ĐIỀU 16: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 16.1. Hợp Đồng này cấu thành duy nhất và toàn bộ thỏa thuận giữa Các Bên liên quan đến đối tượng của Hợp Đồng này và thay thế tất cả các ghi nhớ, tài liệu, thảo luận, thư bày tỏ ý định, đàm phán và thỏa thuận trước đây, cả bằng văn bản và bằng miệng, giữa Các Bên về vấn đề này.
- 16.2. Mọi sửa đổi, bổ sung đối với Hợp Đồng này đều phải được thực hiện bằng văn bản và được sự thống nhất của Các Bên, và tất cả các sửa đổi và bổ sung đó sẽ cấu thành một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này.
- 16.3. Một Bên không được quyền chuyển nhượng hoặc chuyển giao bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại. Bất kỳ sự chuyển nhượng hoặc chuyển giao nào vi phạm Điều này đều vô hiệu.
- 16.4. Hợp Đồng này được thực hiện thông qua các Đơn Đặt Hàng. Các Đơn Đặt Hàng cùng các tài liệu khác liên quan đến Hợp Đồng này được Các Bên ký và gửi cho nhau là những thành phần không tách rời của Hợp Đồng này.

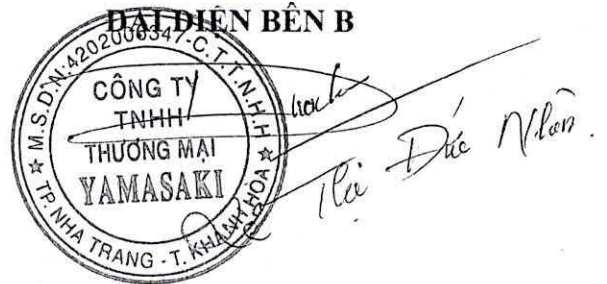


- 16.5. Trong trường hợp có bất kỳ sự mâu thuẫn nào giữa các điều, khoản của Hợp Đồng này và các điều, khoản của bất kỳ Đơn Đặt Hàng hoặc bất kỳ tài liệu nào có liên quan thì các điều, khoản của Hợp Đồng này sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 16.6. Không điều nào trong Hợp Đồng này xác lập mối quan hệ đại diện, liên doanh, hợp danh hoặc hình thức doanh nghiệp chung khác, hoặc quan hệ lao động giữa Các Bên. Không Bên nào có bất kỳ quyền hoặc thẩm quyền rõ ràng hoặc ngầm hiểu nào để tiếp quản hoặc xác lập bất kỳ nghĩa vụ nào thay cho hoặc nhân danh cho Bên còn lại hoặc ràng buộc Bên còn lại vào bất kỳ Hợp Đồng, thỏa thuận hoặc nghĩa vụ nào với bất kỳ Bên thứ ba nào.
- 16.7. Hợp Đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 02 (hai) bản sau khi công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý giao kết Hợp Đồng này và cùng ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B



**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HỒ HOÀNG LUẬN
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày 19-08-2025

Số chứng thực: 5A1.....Quyển số: 01-SCT/BS

CÔNG CHỨNG VIÊN





STATE OF TEXAS
COUNTY OF [illegible]
[illegible text]



[illegible text]

BẢN SAO

PHU LỤC HỢP ĐỒNG GIA CÔNG

Số: *PL-GIA CÔNG YAMASAKI/2025-001*

- Căn cứ theo HĐGC số: **PALDO VINA – YAMASAKI/2025** đã ký ngày 26 tháng 05 năm 2025;

- Căn cứ nhu cầu thực tế hai bên,

Hôm nay, ngày 26 tháng 05 năm 2025. Chúng tôi gồm có:

BÊN NHẬN GIA CÔNG (Bên A):

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH PALDO VINA**
Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Đồng Lạng, Xã Phù Ninh, Huyện Phù Ninh,
Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Điện thoại: : 0437.724.280
Mã số doanh nghiệp : 2600304973
Đại diện : Ông **OH SEUNG YEOL**
Chức vụ : **Phó Tổng giám đốc phụ trách Kinh Doanh**

Theo ủy quyền số: PDEVN/UQ/2024-011 do ông Hong Sung Hoon kí ngày 22/11/2024

BÊN ĐẶT GIA CÔNG (Bên B):

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YAMASAKI**
Địa chỉ : Số 99, Đường Nguyễn Văn Linh, Khu Dân Cư Hòn Rớ 1 Xã
Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt
Nam
Điện thoại: : 0903833567
Mã số doanh nghiệp : 4202006347
Đại diện : Bà **Lê Thị Đức Nhân**
Chức vụ : **Giám đốc**


Sau khi xem xét, thỏa thuận hai bên đã đi đến thống nhất ký Phụ lục hợp đồng gia công số *PL-GIA CÔNG YAMASAKI/2025-001* đối với hợp đồng đã ký số **PALDO VINA – YAMASAKI/2025**, ngày 26 tháng 05 năm 2025 với các nội cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: THÀNH PHẦN SẢN PHẨM

1. Thành phần Mì cay Têru - Mì không gói gia vị:

Bột mì (70% khối lượng), dầu cọ tinh luyện, tinh bột khoai mì, muối, chất ổn định (451(i), 501(i)), chất làm dày (412, 405), chất tạo xốp (500(i)), chất chống oxy hóa (320, 321), phẩm màu tự nhiên (Riboflavin từ Bacillus subtilis).

С. П. ПЕТРОВ
ИЗДАТЕЛЬСТВО
САНКТ-ПЕТЕРБУРГ

| | | |
|---|---|--|
| 3 | <p>* BAO GÓI ĐƯỢC THIẾT KẾ RIÊNG CHO YAMASAKI (MÌ CAY Têru) CHẤT LƯỢNG VẬT MÍ THEO TIÊU CHUẨN CỦA LẦU JUMBO</p> <p>* THÙNG CATTON CÓ IN THÔNG TIN SẢN PHẨM – SỐ LÔ - NGÀY SẢN XUẤT - HẠN SỬ DỤNG</p> <p>(Bộ thiết kế hoàn chỉnh được các bên xác nhận thông qua email trước khi tiến hành đặt trực in)</p> |  |
| 4 | <p>GIAO HÀNG TẠI KHO HÀNG CỦA YAMASAKI PALDO VINA CHỊU CHI PHÍ GIAO HÀNG ĐẾN KHO HÀNG CỦA YAMASAKI</p> <p>CHI PHÍ BỐC XÉP MỖI BÊN CHỊU MỘT ĐẦU (PALDO CHỊU CHI PHÍ LÊN HÀNG, YAMASAKI CHỊU PHÍ XUỐNG HÀNG)</p> | <p>PALDOVINA ĐÃ ĐỒNG Ý</p> |
| 5 | <p>GIÁ BÁN ĐÃ THƯƠNG LƯỢNG VÀ CHỐT NĂM 2025 LÀ:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ 4,800 VND/GÓI (CHƯA BAO GỒM VAT) CHO PHƯƠNG ÁN OPTION 1, BỘT SOUP JUMBO BÒ CAY ❖ 4,800 VND/GÓI (CHƯA BAO GỒM VAT) CHO PHƯƠNG ÁN OPTION 2, BỘT SOUP JUMBO KIM CHI | <p>PALDOVINA ĐÃ ĐỒNG Ý</p> |
| 6 | <p>• CHI PHÍ TRỰC IN:</p> <p>YAMASAKI CHI TRẢ TRỰC TIẾP CHO NHÀ CUNG CẤP (SAU KHI NGỪNG HỢP TÁC TRỰC IN SẼ ĐƯỢC HOÀN TRẢ LẠI CHO YAMASAKI)</p> <p>➢ CHI PHÍ BAO GÓI VÀ THÙNG:</p> <ul style="list-style-type: none"> * CHI PHÍ FILM BAO GÓI MÌ, YAMASAKI SẼ ĐẶT CỌC CHO PALDO LÀ: 50.587.500 VND (CHƯA BAO GỒM VAT) * CHI PHÍ FILM SOUP 01 – JUMBO BÒ CAY, YAMASAKI SẼ ĐẶT CỌC CHO PALDO LÀ: 55.000.000 VND (CHƯA BAO GỒM VAT) * CHI PHÍ FILM SOUP 02 – JUMBO KIM CHI, YAMASAKI SẼ ĐẶT CỌC CHO PALDO LÀ: 55.000.000 VND (CHƯA BAO GỒM VAT) * CHI PHÍ THÙNG MÌ CARTON, YAMASAKI SẼ ĐẶT CỌC CHO PALDO LÀ: 32.000.000 VND (CHƯA BAO GỒM VAT) <p>→ TỔNG CHI PHÍ FILM BAO GÓI VÀ THÙNG: 192.587.500 VND (CHƯA BAO GỒM VAT)</p> | <p>CHI PHÍ TRỰC IN:</p> <p>PALDO GÓI BẢO GIÁ TRỰC IN FIML BAO GÓI CHO YAMASAKI</p> <p>CHI PHÍ BAO GÓI VÀ THÙNG:</p> <p>FIML BAO GÓI VÀ THÙNG SAU KHI NGỪNG HỢP TÁC, PALDO VINA SẼ CÂN CỨ VÀO SỐ LƯỢNG FIML BAO GÓI CHƯA SỬ DỤNG (TÍNH THEO GIÁ TẠI THỜI ĐIỂM NGỪNG HỢP TÁC) THỰC HIỆN KHẤU TRỪ VÀO TIỀN ĐẶT CỌC CỦA YAMASAKI - SỐ TIỀN CÒN LẠI SẼ TRẢ LẠI CHO YAMASAKI TRONG VÒNG 30 NGÀY.</p> |

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung khác của Hợp Đồng vẫn giữ nguyên hiệu lực trong hợp đồng số: **PALDO VINA – YAMASAKI/2025.**
- Phụ lục này là một phần không thể tách rời của HĐKT số **PALDO VINA – YAMASAKI/2025**. Các Bên đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí với toàn bộ nội dung của Phụ lục này và đồng ý ký tên, đóng dấu vào Phụ lục này để làm căn cứ thực hiện.
- Phụ lục hợp đồng được lập thành bốn bản, mỗi bên giữ hai bản có nội dung & giá trị pháp lý như nhau.

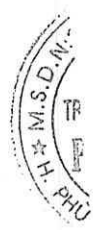
Ngày 19-08-2025
Số chứng thực: 541..... Quyền số: 01-SCT/BS



Oh Seung Yesl

Hồ Hoàng Luận

Tai Đạt Văn



THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

1968

PHYSICS DEPARTMENT



PHYSICS DEPARTMENT

BẢN SAO



CERTIFICATE OF REGISTRATION

Số chứng nhận: N724811

HACCP – Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm

CÔNG TY TNHH PALDO VINA

Cụm công nghiệp Đồng Lạng, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

đã được đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn

Codex Alimentarius Commission - General Principles of Food Hygiene CXC 1-1969 (2020) and its Hazard Analysis and Critical Control Point (HACCP) Annex

cho các hoạt động

Sản xuất và kinh doanh mỳ ăn liền và gia vị các loại

Số chứng thực: 42931. Quyền số: 01-SCT/BS

Ngày: 18-08-2025

| | | |
|------------------------------|-----------------------------|--|
| Ngày ban hành: 21/05/2024 | Ngày hết hạn: 06/06/2027 | Ngày chứng nhận lần đầu: 07/06/2021 |
|------------------------------|-----------------------------|--|

Người thực hiện chứng thực



Guardian Independent Certification Ltd
Registered in England
114 St Martin's Lane Covent Garden London C2N 4BE

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Đình Bảo Lâm

If there is a discrepancy between the two language versions, the English language version shall prevail.

GICG - ENABLING TRUST IN A CHANGING WORLD



THE UNIVERSITY OF CHICAGO

PHYSICS DEPARTMENT



1950

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

PHYSICS DEPARTMENT

530 SOUTH EAST ASIAN AVENUE

CHICAGO, ILLINOIS 60637